TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS - ST.
Ngày: 21 - 8 - 2023.
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phượng.

2. Ông Bùi Hồng Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST - DS, ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST - DS, ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mười H, sinh năm: 1955; địa chỉ: Ấp T , xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ông Thị Kim H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/5/2023) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Nguyên vào năm 2007, năm 2008 và năm 2009 âm lịch, bà L có đứng ra làm chủ hụi để mở hụi, bà Nguyễn Thị Mười H có tham gia chơi hụi, cụ thể gồm:

Dây thứ nhất: Vào ngày 09/12/2007 âm lịch, bà Nguyễn Thị L có đứng ra làm chủ hụi dây hụi 20 chưng, hụi tháng 500.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 250.000 đồng, bà H có tham gia một

chưng. Đến lần 7 (09/7/2008 âm lịch) bà H hốt, sau khi hốt hụi bà H có đóng được tổng là 17 lần, bà H còn nợ bà L tổng 03 lần hụi chưa đóng với số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Dây thứ hai: Vào ngày 29/01/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 22 chưng, hụi tháng 300.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 150.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 13 (29/02/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 15 lần, bà H còn nợ bà L tổng 07 lần hụi chưa đóng với số tiền là 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Dây thứ 3: Vào ngày 06/10/2007 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 24 chưng, hụi tháng 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 7 (06/4/2008 âm lịch) bà H hốt Sau khi hốt bà H đóng được 19 lần, bà H còn nợ bà L tổng 05 lần hụi chưa đóng với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Dây thứ 4: Vào ngày 30/7/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 30 chưng, hụi nửa tháng 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 10 (30/12/2008 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 16 lần, bà H còn nợ bà L tổng 14 lần hụi chưa đóng với số tiền là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Dây thứ 5: Vào ngày 29/02/2009 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 34 chưng, hụi tuần 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 6 (15/4/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 08 lần, bà H còn nợ bà L tổng 26 lần hụi chưa đóng với số tiền là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Dây thứ 6: Vào ngày 10/9/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 40 chưng, hụi 10 ngày 100.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 50.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 17 (20/01/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 23 lần, bà H còn nợ bà L tổng 17 lần hụi chưa đóng với số tiền là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Dây thứ 7: Vào ngày 24/3/2009 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 42 chưng, hụi tuần 50.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 25.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 4 (24/4/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 05 lần, bà H còn nợ bà L tổng 37 lần hụi chưa đóng với số tiền là 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà H hoàn trả số tiền nợ hụi là 16.150.000 đồng.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Ông Thị Kim H trình bày: Nguyên vào năm 2007, năm 2008 và năm 2009 âm lịch, bà L có đứng ra làm chủ

hụi để mở hụi, bà Nguyễn Thị Mười H có tham gia chơi hụi như bà L trình bày, do bà L bể hụi nên bà H chỉ đồng ý trả lãi số tiền đã hốt cụ thể gồm:

Dây thứ nhất: Vào ngày 09/12/2007 âm lịch, bà Nguyễn Thị L có đứng ra làm chủ hụi dây hụi 20 chưng, hụi tháng 500.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 250.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 7 (09/7/2008 âm lịch) bà H hốt với số tiền 7.430.000 đồng, sau khi hốt hụi bà H có đóng được tổng là 17 lần với số tiền 8.500.000 đồng, vì vậy trừ đi số tiền bà H hốt thì bà L còn thiếu bà H 1.070.000 đồng.

Dây thứ hai: Vào ngày 29/01/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 22 chưng, hụi tháng 300.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 150.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 13 (29/02/2009 âm lịch) bà H hốt với số tiền 5.970.000 đồng. Sau khi hốt bà H đóng được 15 lần với số tiền 4.500.000 đồng, vì vậy trừ đi số tiền bà H hốt thì bà H còn thiếu bà L 1.470.000 đồng.

Dây thứ 3: Vào ngày 06/10/2007 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 24 chưng, hụi tháng 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 7 (06/4/2008 âm lịch) bà H hốt với số tiền 3.480.000 đồng Sau khi hốt bà H đóng được 19 lần với số tiền 3.800.000 đồng, vì vậy trừ đi số tiền bà H hốt thì bà L còn thiếu bà H 320.000 đồng.

Dây thứ 4: Vào ngày 30/7/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 30 chưng, hụi nửa tháng 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 10 (30/12/2008 âm lịch) bà H hốt với số tiền 4.465.000 đồng, Sau khi hốt bà H đóng được 16 lần với số tiền 3.200.000 đồng, vì vậy trừ đi số tiền bà H hốt thì bà L còn thiếu bà H 1.250.000 đồng.

Dây thứ 5: Vào ngày 29/02/2009 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 34 chưng, hụi tuần 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 6 (15/4/2009 âm lịch) bà H hốt với số tiền 5.100.000 đồng. Sau khi hốt bà H đóng được 08 lần với số tiền 1.600.000 đồng, vì vậy trừ đi số tiền bà H hốt thì bà H còn thiếu bà L 3.500.000 đồng.

Dây thứ 6: Vào ngày 10/9/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 40 chưng, hụi 10 ngày 100.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 50.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 17 (20/01/2009 âm lịch) bà H hốt với số tiền là 3.080.000 đồng. Sau khi hốt bà H đóng được 23 lần với số tiền 2.300.000 đồng, vì vậy trừ đi số tiền bà H hốt thì bà H còn thiếu bà L 780.000 đồng.

Dây thứ 7: Vào ngày 24/3/2009 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 42 chưng, hụi tuần 50.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 25.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 4 (24/4/2009 âm lịch) bà H hốt với số tiền là 1.303.000 đồng. Sau khi hốt bà H đóng được 05 lần với số tiền 250.000 đồng, vì vậy trừ đi số tiền bà H hốt thì bà H còn thiếu bà L 1.053.000 đồng.

Vì vậy bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà H còn nợ lại bà L số tiền 6.328.000 đồng nhưng bên phía thi hành án bà L còn nợ bà H số tiền 21.317.625 đồng. Bà H yêu cầu bà L trả cho bà rồi bà sẽ trả lại nợ hụi cho bà L 6.278.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ông Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30, Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 16.150.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn là bà Nguyễn Thị Mười H. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Mười H hiện cư trú tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ông Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Ông Thị Kim H.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L, bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H và người đại diện hợp pháp bà Ông Thị Kim H đều thống nhất xác định

bà L làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị Mười H là hụi viên có có tham gia các phần hụi vào các thời gian cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Vào ngày 09/12/2007 âm lịch, bà Nguyễn Thị L có đứng ra làm chủ hụi dây hụi 20 chưng, hụi tháng 500.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 250.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 7 (09/7/2008 âm lịch) bà H hốt, sau khi hốt hụi bà H có đóng được tổng là 17 lần, bà H còn nợ bà L tổng 03 lần hụi chưa đóng.

Dây thứ hai: Vào ngày 29/01/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 22 chưng, hụi tháng 300.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 150.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 13 (29/02/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 15 lần, bà H còn nợ bà L tổng 07 lần hụi chưa đóng.

Dây thứ 3: Vào ngày 06/10/2007 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 24 chưng, hụi tháng 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 7 (06/4/2008 âm lịch) bà H hốt Sau khi hốt bà H đóng được 19 lần, bà H còn nợ bà L tổng 05 lần hụi chưa đóng.

Dây thứ 4: Vào ngày 30/7/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 30 chưng, hụi nửa tháng 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 10 (30/12/2008 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 16 lần, bà H còn nợ bà L tổng 14 lần hụi chưa đóng.

Dây thứ 5: Vào ngày 29/02/2009 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 34 chưng, hụi tuần 200.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 100.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 6 (15/4/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 08 lần, bà H còn nợ bà L tổng 26 lần hụi chưa đóng.

Dây thứ 6: Vào ngày 10/9/2008 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 40 chưng, hụi 10 ngày 100.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 50.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 17 (20/01/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 23 lần, bà H còn nợ bà L tổng 17 lần hụi chưa đóng.

Dây thứ 7: Vào ngày 24/3/2009 âm lịch, bà L đứng ra làm chủ hụi dây hụi 42 chưng, hụi tuần 50.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà L hưởng hoa hồng số tiền là 25.000 đồng, bà H có tham gia một chưng. Đến lần 4 (24/4/2009 âm lịch) bà H hốt. Sau khi hốt bà H đóng được 05 lần, bà H còn nợ bà L tổng 37 lần hụi chưa đóng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định việc giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà L và bà H là có thật.

Ngoài ra, nguyên đơn bà L cho rằng do bị đơn đã hốt hụi thì phải có trách nhiệm đóng lại hụi chết đầy đủ với số tiền là 16.150.000 đồng còn phía bị đơn cho rằng do bà L bể hụi nên bà H chỉ đồng ý trả lãi số tiền đã hốt là 6.278.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong các dây hụi này bà L là chủ hụi và bà H là hụi viên, nên bà H đã hốt hụi và bà L đã giao đủ số tiền hụi đã hốt thì bà H phải có nghĩa vụ đóng hụi nên việc bà H không đóng hụi cho bà L là đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên được quy định tại Điều 20, Điều 25 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H hoàn trả số tiền hụi còn nợ là 16.150.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà L và bà H thì tại thời điểm hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 122, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7; Điều 8; Điều 20; Điều 25; Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. Sau khi bà H hốt hụi thì bà H không đóng lại tiền hụi chết đầy đủ cho bà L, do đó bà H đã vi phạm thỏa thuận nên việc bà L yêu cầu bà H hoàn trả số tiền hụi là 16.150.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà H phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Đối với việc bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ông Thị Kim H yêu cầu được trừ vào số tiền bà L còn thiếu bà H mà bà H nhận chưa đủ tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Long Phú. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không đồng ý theo yêu cầu của bà H. Xét thấy, yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ông Thị Kim H không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H phải chịu 807.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122 và Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 20, Điều 25, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 16.150.000 đồng (mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Mười H phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H phải chịu 807.500 đồng (tám trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh